



Tạp chí

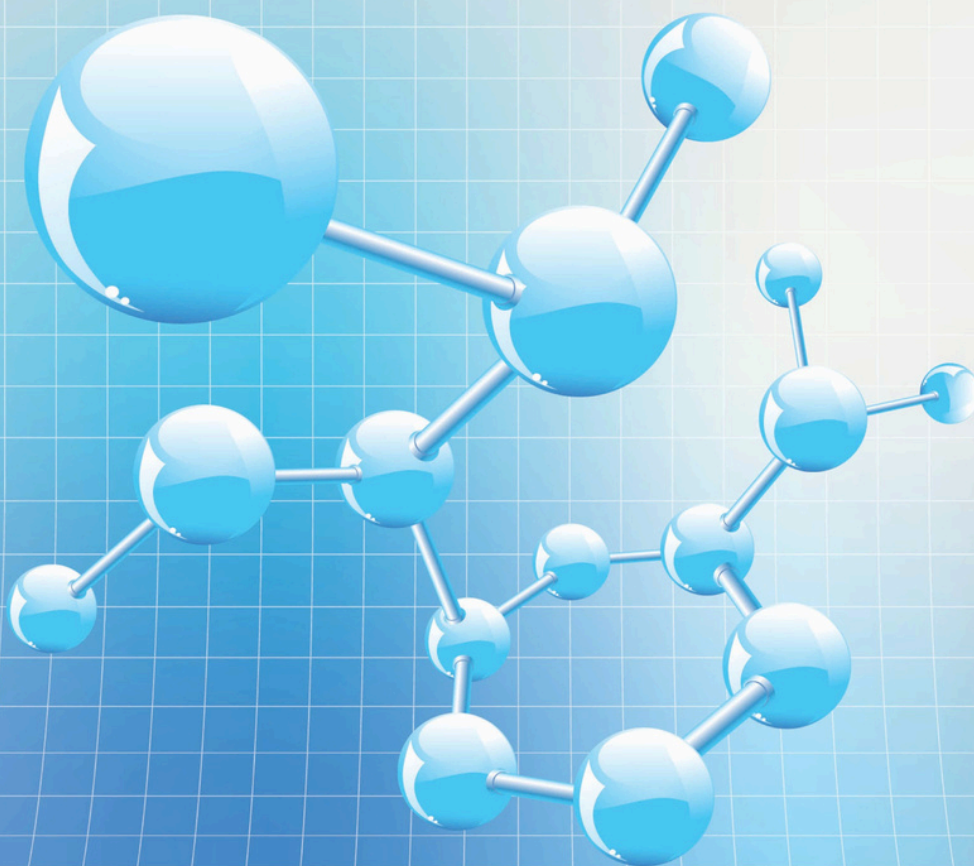
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐẠI HỌC SÁO ĐỎ

SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY

P. ISSN 1859-4190

E. ISSN 2815-553X



SỐ ĐẶC BIỆT

KỶ NIỆM 15 NĂM THÀNH LẬP TRƯỜNG

Số 2 (90)

2025

MỤC LỤC

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
1.	Xây dựng hệ sinh thái kinh tế số: Vai trò của giáo dục và nghiên cứu khoa học <i>Building a digital economy ecosystem: The role of education and scientific research</i>	Nguyễn Kế Nghĩa Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	7-16
2.	Áp dụng trí tuệ nhân tạo dự báo nhu cầu và tối ưu hóa tồn kho tại Việt Nam <i>Applying artificial intelligence to forecast demand and optimize inventory in Vietnam</i>	Nguyễn Xuân Trang Trường Kinh Tế Tài Chính - Đại học Thủ Dầu Một	17-24
3.	Kinh nghiệm của một số địa phương về phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế số - Bài học kinh nghiệm đối với tỉnh Hải Dương <i>Experiences of some localities in developing human resources for digital economic development - Lessons learned for Hai Duong province</i>	Vũ Hồng Phong; Phan Hoàng Đức; Vũ Văn Đông Trường Đại học Sao Đỏ	25-33
4.	Giải pháp phát huy tiềm năng và cơ hội tham gia, phát triển kinh tế số của thanh niên hiện nay <i>Solutions to promote the potential and opportunities to participate and develop the digital economy of youth</i>	Nguyễn Tuấn Anh Viện Nghiên cứu Thanh niên	34-43
5.	Nâng cao chất lượng nguồn lực giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững <i>Improving the quality of teaching resources in higher education institutions to meet the needs of sustainable development</i>	Nguyễn Thị Hiền Oanh Trường Đại học Sài Gòn	44-52
6.	Kinh nghiệm quốc tế về quản lý nền kinh tế số và hàm ý cho Việt Nam <i>International experiences in digital economy governance and policy implications for Vietnam</i>	Luyện Thùy Dung*, Bùi Tiến Thịnh Trường Đại học Tài Chính – Quản trị kinh doanh	53-60
7.	Số hoá ngành du lịch Quảng Bình: cơ hội và thách thức trong chuyển đổi số <i>Digital Transformation of Quang Binh's Tourism Industry: Opportunities and Challenges</i>	Phan Thị Quỳnh Trang Trường Đại học Quảng Bình	61-69

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
8.	Khung năng lực nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số <i>Information technology human resource capacity framework in the context of digital transformation</i>	Lại Thị Hiếu Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	70-76
9.	Thương mại điện tử góp phần quan trọng phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay <i>E-commerce as a key driver of digital economy development in Vietnam</i>	Nguyễn Hữu Sơn Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	77-83
10.	Chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam hiện nay <i>Digital transformation in small and medium enterprises in Vietnam today</i>	Trần Đăng Sinh¹, Phùng Thị Lý² ¹ Hội triết học Việt Nam ² Trường Đại học Sao Đỏ	84-93
11.	Chuyển đổi số ở thị trường lao động Việt Nam dưới góc nhìn xã hội học <i>Digital Transformation in the Vietnamese Labor Market: A Sociological Perspective</i>	Nguyễn Duy Thái^{1*}, Nguyễn Thị Hải Hà², Nguyễn Đức Chiện³ ¹ Tạp chí Xã hội học Việt Nam ² Trường Đại học Sao Đỏ ³ Viện Xã hội học	94-100
12.	Chuyển đổi số truy xuất nguồn gốc nông sản: kinh nghiệm quốc tế và gợi ý cho Việt Nam <i>Digital transformation in agricultural product traceability: international experiences and recommendations for Vietnam</i>	Lê Quý Dương^{1*}, Nguyễn Đức Chiện², Ngô Trung Thành³, Đinh Thị Thu Hằng³, Trần Thị Thu Thủy⁴ ¹ Viện nghiên cứu truyền thống và phát triển (TARDI) ² Viện Xã hội học – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam ³ Khoa Khoa học xã hội – Học viện Nông nghiệp Việt Nam ⁴ Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh Hải Dương	101-110
13.	Tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số đến phong cách lãnh đạo doanh nghiệp <i>Impacts of the Fourth Industrial Revolution and the digital transformation upon business leadership style</i>	Lưu Ngọc Trinh^{1*}, Lê Đăng Minh² ¹ Đại học Công Nghệ Giao thông vận tải ² Đại học Công nghệ Sài Gòn	111-120

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
14.	Nỗ lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của Nhật Bản <i>Japan's Efforts in Promoting the Digital Transformation</i>	Phạm Thị Hồng Hoa¹, Lưu Ngọc Trinh^{2*} ¹ Trường Đại học Sao Đỏ ² Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	121-131
15.	Phát triển nông nghiệp trong nền kinh tế số hiện nay: Cơ hội và thách thức <i>Agricultural Development in Today's Digital Economy: Opportunities and Challenges</i>	Nguyễn Thị Ngọc Mai Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi	132-140
16.	Chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào kinh tế số tại Việt Nam <i>Policies for attracting foreign investment into the digital economy in Vietnam</i>	Bùi Tiến Thịnh*, Nguyễn Thị Hoàng Mai Trường Đại học Tài Chính – Quản trị kinh doanh	141-148
17.	Kinh tế số trong ngành du lịch Việt Nam: Cơ hội và thách thức <i>Digital Economy in Vietnam tourism industry: Opportunities and challenges</i>	Nguyễn Hoàng Mai¹, Nguyễn Thị Ngọc Mai² ¹ Viện nghiên cứu phát triển du lịch ² Trường Đại học Sao Đỏ	149-158
18.	Phát triển doanh nghiệp tư nhân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trong nền kinh tế số <i>Developing private enterprises in Da Lat city, Lam Dong province in the digital economy</i>	Trương Minh Hoài^{1*}, Lê Thị Lại² ¹ Trường Đại học Đà Lạt ² Trường cao đẳng Đà Lạt	159-165
19.	Phổ cập hiểu biết ứng dụng fintech – Gợi ý giải pháp chuyển đổi số <i>Popularizing fintech application knowledge - Digital transformation solution suggestions</i>	Lê Thị Thúy Hà Phân hiệu Bắc Ninh – Học viện Ngân hàng	166-175
20.	Quá trình phát triển và xu hướng thị trường thương mại điện tử trong tương lai ở Việt Nam <i>The development process and future trends of the e-commerce market in Vietnam</i>	Nguyễn Thị Huế Trường Đại học Sao Đỏ	176-186
21.	Giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn Việt Nam trong kỷ nguyên số <i>Solutions for agricultural and rural economic development in Vietnam in the digital era</i>	Ngô Thị Luyện Trường Đại học Sao Đỏ	187-194
22.	Một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong xây dựng kinh tế số tại Việt Nam <i>Some solutions for human resource development in building digital economy in Vietnam</i>	Hoàng Thị Hoa Trường Đại Học Sao Đỏ	195-204

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
23.	Ứng dụng AI trong hoạt động marketing tại doanh nghiệp - Cơ hội và thách thức <i>Applying AI in marketing activities at enterprises - Opportunities and challenges</i>	Nguyễn Thị Thủy Trường Đại học Sao Đỏ	205-212
24.	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phát triển du lịch thông minh tại tỉnh Hải Dương <i>Application of artificial intelligence (AI) in tourism development smart in Hai Duong province</i>	Vũ Thị Hương Trường Đại học Sao Đỏ	213-221
25.	Hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam trong nền kinh tế số <i>Accounting information systems in Vietnamese enterprises in the digital economy</i>	Vũ Thị Lý Trường Đại học Sao Đỏ	222-231
26.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hàng tồn kho, hiệu quả tại doanh nghiệp <i>Application of information technology in inventory management, efficiency in business</i>	Vũ Thị Thanh Thủy Trường Đại học Sao Đỏ	232-240
27.	Kinh tế số và giải pháp phát triển mô hình kinh tế số tại Việt Nam <i>Digital economy and solutions for developing digital economic models in Vietnam</i>	Nguyễn Minh Tuấn*, Phạm Thị Hồng Hoa Trường Đại học Sao Đỏ	241-249
28.	Ảnh hưởng của áp dụng trí tuệ nhân tạo đến năng suất lao động trong các doanh nghiệp thương mại điện tử tại Việt Nam <i>The influence of artificial intelligence adoption on workforce productivity in Vietnam e-commerce enterprises</i>	Nguyễn Thị Huyền Trang*, Trần Trọng Đức, Lê Khánh Duyên, Nguyễn Tuấn Minh, Nguyễn Hữu Hoàng Phúc, Đinh Thị Hồng Thắm Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	250-257
29.	Rủi ro gian lận báo cáo tài chính trong môi trường số và giải pháp kiểm toán số tại Việt Nam <i>Risk of financial reporting fraud in the digital environment and digital audit solutions in Vietnam</i>	Đinh Thị Kim Thiết Trường Đại học Sao Đỏ	258-265
30.	Hoàn thiện thể chế tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế số tại Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc <i>Perfecting the institutional framework as a prerequisite for digital economy development in Vietnam amidst the nation's rise</i>	Đậu Ngọc Linh Học viện cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	266-273

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
31.	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế số và hàm ý chính sách cho Việt Nam <i>Factors influencing digital economy development and policy implications for Vietnam</i>	Hồ Thị Hà Trường Kinh tế tài chính - Trường Đại học Thủ Dầu Một	274-281
32.	Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam: Thách thức và giải pháp <i>Promoting digital transformation in small and medium-sized enterprises (SMES) in Vietnam: Challenges and solutions.</i>	Nguyễn Thị Minh Hiếu^{1*}, Nguyễn Thị Huyền Trang² ¹ Trường Đại học Lao động Xã hội cơ sở II ² Trường Cao đẳng Công nghệ cao Đồng Nai	282-289
33.	Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu kinh tế số ở Việt Nam hiện nay <i>Developing human resources to meet digital economy requirements in Vietnam today</i>	Tạ Thị Năm Trường Đại học Công đoàn	290-297
34.	Cải tiến phương pháp kiểm tra - đánh giá nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số <i>Improving assessment methods – enhancing student training quality in the context of digital transformation</i>	Nguyễn Thị Thuỳ Trinh Trường Cao đẳng Đà Lạt	298-305
35.	Giải pháp nâng cao năng lực số của giảng viên đại học trong giai đoạn chuyển đổi số <i>Solutions to improve digital capabilities of university lecturers during the digital transformation period</i>	Nguyễn Thị Hiền Học Viện Ngân Hàng - Phân Viện Phú Yên	306-316
36.	Giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trong kỷ nguyên số <i>Solutions to promote digital transformation of small and medium enterprises of Vietnam in the digital age</i>	Đinh Mạnh Tuấn^{1*}, Lê Thanh Thảo² ¹ Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ ² Công ty IPCOM Vietnam	317-323
37.	Ứng dụng công nghệ số trong công tác giảng dạy <i>Applying digital technology in teaching</i>	Nguyễn Thị Hồng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TPHCM	324-331
38.	Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thông minh: Góc nhìn pháp lý trong bối cảnh phát triển kinh tế số <i>The validity conditions of smart contracts: A legal perspective in the context of digital economic development</i>	Nguyễn Phương Uyên*, Thái Trần Văn Huế, Nguyễn Thị Diệu Hiền, Nguyễn Khánh Linh Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	332-339

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
39.	Phân tích tích hợp các đổi mới FinTech trong ngành ngân hàng: Những cải tiến và thách thức <i>Integrated Analysis of FinTech Innovations in Banking: Enhancements and Challenges</i>	Phí Văn Trọng*, Trần Thị Nam Thanh Trường Đại học Kinh tế quốc dân	340-349
40.	Một số vấn đề về chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng Việt Nam hiện nay <i>Some issues on digital transformation in the banking sector in Vietnam today</i>	Nguyễn Thị Huệ Viện Nghiên cứu Văn hoá – Viện Hàn lâm KHXHVN	360-359
41.	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế số của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập khu vực Châu Á - Thái Bình Dương hiện nay <i>Developing high-quality human resources to meet the demands of building Vietnam's digital economy in the context of regional integration in the Asia-Pacific today</i>	Tiêu Thị Thu Ngân*, Nguyễn Phương Linh, Vũ Tuấn Nghĩa Trường Đại học Ngoại thương	360-367
42.	Thực trạng chuyển đổi số ngành ngân hàng tại Việt Nam <i>The current situation of digital transformation of the banking industry in Vietnam</i>	Lương Thị Hoa Trường Đại học Sao Đỏ	368-376
43.	Giải pháp chuyển đổi số trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương <i>Solutions for digital transformation in accounting practices at businesses in Hai Duong province</i>	Nguyễn Thị Quỳnh Trường Đại học Sao Đỏ	377-385
44.	Phát triển năng lực số cho sinh viên các trường đại học trong giai đoạn hiện nay <i>Developing digital competencies for university students in the current context</i>	Nguyễn Thị Lý Trường Đại học Lâm nghiệp	386-394
45.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng hàng Việt trên sàn thương mại điện tử tại Việt Nam <i>Study on factors influencing Vietnamese consumer behavior on E-commerce platforms in Vietnam</i>	Trần Cường, Trần Thị Quý Chinh* Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	395-403

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
46.	Các nhân tố ảnh hưởng đến ứng dụng công nghệ thông tin tại các doanh nghiệp Logistics trên địa bàn thành phố Hà Nội <i>Factors influencing the application of information technology in Logistics Enterprises in Hanoi</i>	Trần Thị Quý Chinh* , Trần Cương , Nguyễn Thị Mai Anh , Phạm Thị Hương Giang Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	404-412
47.	Sử dụng lý thuyết TAM trong nghiên cứu nhận thức và mức độ tương tác của giảng viên và sinh viên kế toán, kiểm toán với ứng dụng AI trong đào tạo đại học. <i>Utilizing TAM Theory to study the perception and interaction of accounting and auditing lecturers and students with AI-powered tools in higher education</i>	Phùng Đặng Diệp Chi , Nguyễn Khánh Ly , Nguyễn Thu Ngân , Phạm Thành Long* Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	413-421
48.	Áp dụng thuế bất động sản trong bối cảnh chuyển đổi số: Kinh nghiệm từ Nga, Hoa Kỳ, Singapore và hàm ý chính sách cho Việt Nam <i>Real estate taxation in the digital age: Implementation insights from Russia, the United States, Singapore, and policy implications for Vietnam</i>	Nguyễn Văn Lộc , Nguyễn Văn Phương , Phạm Ngọc Hương Quỳnh* Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	422-431
49.	Tác động của quản trị nhân sự số đến kết quả làm việc của nhân viên tại các cơ sở giáo dục tại Hà Nội <i>The impact of digital human resource management on employee performance in educational institutions in Ha Noi</i>	Nguyễn Minh Phương¹ , Đào Thị Hà Anh^{2*} , Nguyễn Văn Lộc² ¹ Trường Đại học Việt Nhật - Đại học Quốc gia Hà Nội ² Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	432-441
50.	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn giải pháp tăng cường thực thi chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam <i>Some theoretical and practical issues on solutions to strengthen the implementation of policies to support digital transformation for small and medium-sized enterprises in Vietnam</i>	Phạm Thanh Tùng Ban Tổ chức – Kiểm tra Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	442-450

Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thông minh: Góc nhìn pháp lý trong bối cảnh phát triển kinh tế số

The Validity Conditions of Smart Contracts: A Legal Perspective in the Context of Digital Economic Development

Nguyễn Phương Uyên*, Thái Trần Văn Huế,
Nguyễn Thị Diệu Hiền, Nguyễn Khánh Linh

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

*Email: 11226816@st.neu.edu.vn

Ngày nhận bài: 01/3/2025

Ngày nhận bài sửa theo phản biện: 28/4/2025

Ngày chấp nhận đăng: 11/5/2025

Tóm tắt

Dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, hợp đồng thông minh (sau đây gọi là “HĐTM”) nổi lên như một giải pháp tiên tiến giúp nâng cao hiệu quả giao kết và thực thi hợp đồng trong kỷ nguyên kinh tế số. Nhờ cơ chế tự động thực thi và bảo mật cao, HĐTM có tiềm năng giảm thiểu rủi ro gian lận, tiết kiệm chi phí và nâng cao tính minh bạch. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam hiện chưa có quy định cụ thể điều chỉnh loại hợp đồng này, đặt ra nhiều thách thức trong việc xác định điều kiện có hiệu lực của HĐTM. Chính vì vậy, trong phạm vi bài viết, nhóm tác giả khái quát định nghĩa hợp đồng thông minh, từ đó tập trung phân tích thực trạng các vấn đề pháp lý liên quan đến điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thông minh. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các kiến nghị đối với cơ quan nhà nước nhằm hoàn thiện khung pháp lý tại Việt Nam.

Từ khóa: Kinh tế số; blockchain; hợp đồng thông minh; điều kiện có hiệu lực.

Abstract

Under the Fourth Industrial Revolution, smart contracts have emerged as an innovative tool for enhancing contract formation and enforcement in the digital economy. Their self-executing nature and high security offer advantages such as fraud risk reduction, cost savings, and increased transparency. However, the lack of specific legal provisions in Vietnam creates challenges in determining their validity. This article provides an overview of smart contracts, analyzes the legal issues surrounding their validity, and proposes recommendations to improve Vietnam's legal framework.

Keywords: Digital economy, blockchain, smart contracts, validity.

GIỚI THIỆU CHUNG

Kinh tế số không chỉ là một xu hướng mà còn là động lực thay đổi cách con người làm việc, giao dịch và giao tiếp. Sự phát triển của Internet, trí tuệ nhân tạo và blockchain đã thúc đẩy quá trình này, trong đó blockchain đóng vai trò quan trọng trong việc ứng dụng HĐTM vào các giao dịch tài chính, chuỗi cung ứng, thương mại điện tử và nhiều lĩnh vực khác. HĐTM cải thiện phương thức giao kết hợp đồng bằng mã hóa kỹ thuật số, tự động thực thi các thỏa thuận theo điều kiện định sẵn, giúp giảm chi phí trung gian, đảm bảo tính minh bạch, bảo mật và nâng cao hiệu quả giao dịch. Tuy nhiên, tại Việt Nam, khung pháp lý cho HĐTM, đặc biệt là các quy định về điều kiện có hiệu lực, vẫn chưa rõ ràng, gây khó khăn trong thực tiễn áp dụng. Vậy, làm thế nào để xác định điều kiện có hiệu lực của HĐTM trong khuôn khổ pháp luật hiện hành? Liệu Việt Nam có thể xây dựng một hành lang pháp lý phù hợp để vừa thúc đẩy đổi mới sáng tạo, vừa đảm bảo tính an toàn pháp lý cho các giao dịch sử dụng HĐTM?

1. Khái quát về hợp đồng thông minh

1.1. Blockchain - công nghệ nền tảng của hợp đồng thông minh

Hiểu một cách đơn giản, blockchain là một cơ sở dữ liệu, một hình thức lưu trữ hồ sơ và giao dịch với khả năng lưu giữ toàn bộ các loại thông tin với hình thức khác nhau. Blockchain được phát triển vào năm 2009 bởi Satoshi Nakamoto, hoạt động như một sổ cái công khai ghi nhận tất cả các giao dịch trên mạng. Với cấu trúc chuỗi các khối liên kết chặt chẽ, mỗi khối chứa dữ liệu về một đối tượng nhất định. Sự liên kết giữa các khối được đảm bảo bằng cách sử dụng thông tin từ khối trước làm nền tảng cho khối sau, tạo nên một chuỗi

có thứ tự cố định và không thể đảo ngược. Vì vậy, nếu ai đó muốn thay đổi một giao dịch, họ buộc phải chỉnh sửa toàn bộ chuỗi, điều này gần như bất khả thi [1]. Đặc điểm này tạo ra tính bất biến của blockchain. Công nghệ blockchain cũng loại bỏ sự phụ thuộc vào bên trung gian bằng cách cho phép các chủ thể giao dịch trực tiếp với nhau. Dữ liệu về giao dịch được các bên tham gia trực tiếp tạo lập và ghi nhận vào blockchain, nơi thông tin được công khai và có sự giám sát của tất cả các chủ thể liên quan. Nhờ vậy, mỗi bên có thể tự kiểm tra, theo dõi và xác minh giao dịch một cách minh bạch và an toàn.

1.2. Hợp đồng thông minh

HĐTM là một trong những ứng dụng tiêu biểu của công nghệ blockchain, cho phép các điều khoản được thực thi tự động khi đáp ứng đủ điều kiện đã thỏa thuận. Dù chưa có một định nghĩa thống nhất trên toàn cầu, nhiều học giả đã đưa ra các quan điểm khác nhau về khái niệm này. Nick Szabo định nghĩa HĐTM là tập hợp cam kết được tự động thực thi thông qua giao thức máy tính [2], trong khi các học giả khác như Jerry I-H Hsiao [3] và Larry A. DiMatteo [4] nhấn mạnh tính tự động hóa, phi tập trung và khả năng thực thi của HĐTM trên nền tảng blockchain. Tuy nhiên, không chỉ dừng lại là một chương trình máy tính, vì tính mới mẻ và hình thức hoạt động khác biệt so với hợp đồng truyền thống nhưng lại được ứng dụng rộng rãi, nên giá trị pháp lý của HĐTM trở thành một vấn đề được quan tâm. Một số quốc gia đã có bước tiến trong việc công nhận HĐTM về mặt pháp lý, như Hoa Kỳ với các đạo luật cấp tiểu bang, tiêu biểu là Arizona, và Nevada với quy định cụ thể về HĐTM trong hệ thống

pháp luật.

Tuy nhiên, ở Việt Nam, các quy định pháp luật điều chỉnh HĐTM vẫn đang bị bỏ ngỏ. Chính vì vậy, trong bài viết này, nhóm nghiên cứu đặt ra câu hỏi: Có khả năng nào HĐTM được coi là một hợp đồng có giá trị pháp lý không? Và soi chiếu các đặc điểm của HĐTM dưới định nghĩa của hợp đồng truyền thống để đưa ra kết luận. Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự [5]. Xét tính thỏa thuận giữa các bên, HĐTM vẫn đảm bảo sự tự nguyện khi các bên thống nhất các điều khoản và mã hóa chúng trên blockchain. Tuy nhiên, thách thức đặt ra là tính cố định của mã lập trình sau khi được triển khai khiến hợp đồng không thể thay đổi, ngay cả khi các bên muốn điều chỉnh. Điều này làm giảm tính linh hoạt của hợp đồng và đặt ra câu hỏi về sự tự do thỏa thuận trong quá trình thực hiện. Xét tiêu chí những thỏa thuận này sẽ xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự, HĐTM có thể tự động thực thi các điều khoản khi thỏa mãn các điều kiện được lập trình sẵn, qua đó xác lập hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ giữa các bên mà không cần sự can thiệp của con người. Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra vấn đề về khả năng giải quyết tranh chấp trong trường hợp có lỗi lập trình hoặc sự kiện bất khả kháng. Nói cách khác, việc thực thi cứng nhắc của HĐTM có thể ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

Nhìn chung, HĐTM có thể đáp ứng các tiêu chí cơ bản của hợp đồng theo Bộ luật dân sự 2015 (BLDS 2015), do vẫn đảm bảo sự thỏa thuận và xác lập quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Tuy nhiên,

để công nhận HĐTM một cách chính thức trong hệ thống pháp luật, cần xem xét thêm nhiều vấn đề quan trọng. Trong phạm vi bài nghiên cứu, nhóm tác giả sẽ tập trung phân tích Điều kiện có hiệu lực của HĐTM ở phần tiếp sau đây.

2. Những vấn đề pháp lý về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thông minh và kiến nghị hoàn thiện pháp luật tại Việt Nam

2.1. Năng lực chủ thể giao kết hợp đồng

Chủ thể của các giao dịch dân sự phải “có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập” [6]. Tuy nhiên, trong mô hình hợp đồng thông minh, với đặc tính bảo mật, ẩn danh, các chủ thể thường được đại diện qua địa chỉ điện tử thay vì dùng danh tính thực của mình. Do đó, làm thế nào để có thể xác định danh tính và kiểm tra năng lực pháp luật và năng lực hành vi của các chủ thể tham gia giao kết? Mặc dù nhà nước đã có những bước tiến lớn cho việc quản lý danh tính số, nhưng pháp luật hiện hành vẫn chưa có quy định cụ thể về cách thức tích hợp định danh vào HĐTM. Các giải pháp định danh trên blockchain như Self Soulbound Token [7] hay Self-Sovereign Identity [8] đóng vai trò then chốt trong việc xác thực danh tính chủ thể trong giao dịch trên HĐTM, tuy nhiên, nhà nước chưa công nhận chính thức các cơ chế định danh phi tập trung này, cũng như chưa có hướng dẫn cụ thể về cách tích hợp chúng với hệ thống định danh điện tử do nhà nước quản lý.

Từ thực trạng trên, nhóm nghiên cứu đề xuất rằng: Trước tiên, Nhà nước cần công nhận danh tính số trên blockchain như một hình thức định danh hợp lệ, tương tự như chữ ký số và danh tính điện

tử (VNeID). Việc công nhận danh tính số dựa trên SSI hoặc SBT sẽ giúp các giao dịch trên hợp đồng thông minh trở nên minh bạch và góp phần vào việc hoàn thiện tính pháp lý của hợp đồng thông minh. Bên cạnh đó, cần cho phép các tổ chức chứng thực chữ ký số cấp chứng chỉ số dưới dạng Verifiable Credentials (VCs) [9] hoặc SBT trên blockchain, giúp người dùng có thể sử dụng danh tính này để thực hiện các giao dịch mà không cần bên trung gian xác thực trong từng lần giao dịch. Ngoài ra, cần ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật về xác thực danh tính trên hợp đồng thông minh, đảm bảo tính tương thích với các giải pháp blockchain phổ biến như Ethereum Name Service (ENS) [10], và Verifiable Credentials (VCs). Những tiêu chuẩn này cần hỗ trợ các công nghệ bảo vệ quyền riêng tư như zero-knowledge proofs (ZKP) [11], giúp người dùng chứng minh danh tính mà không cần công khai toàn bộ thông tin cá nhân. Cuối cùng, pháp luật cần quy định rõ về cơ chế giám sát và xử lý tranh chấp liên quan đến danh tính số trên hợp đồng thông minh. Điều này bao gồm cách xác minh danh tính khi có tranh chấp, cơ chế phục hồi danh tính khi bị mất hoặc bị tấn công, và cách kết hợp hệ thống định danh truyền thống như VNeID với danh tính phi tập trung trên blockchain.

2.2. Sự thỏa thuận và ý chí của các bên trong hợp đồng

Trong mô hình hợp đồng thông minh, các bên chủ thể thường thiếu hiểu biết về ngôn ngữ lập trình và cấu trúc mã code, dẫn đến nguy cơ không hiểu đúng hoặc không hiểu đầy đủ nội dung giao kết. Ngoài ra, tính chất không thể thay đổi và tự động thực thi của hợp đồng thông minh có thể

khiến các bên mất quyền kiểm soát khi xảy ra các tình huống bất khả kháng hoặc lỗi trong ý chí giao kết. Điều này trái với nguyên tắc cốt lõi của hợp đồng là nguyên tắc tự do ý chí, nơi các bên có thể đàm phán hoặc sửa đổi hợp đồng khi có sự thay đổi bất ngờ trong điều kiện thực tế.

Nhóm nghiên cứu cho rằng, để đảm bảo rằng các bên liên quan, bao gồm chủ thể giao kết, luật sư, và kỹ sư phần mềm đã thực sự hiểu rõ nội dung hợp đồng trên cả ngôn ngữ lập trình, quy trình thiết lập hợp đồng thông minh phải là một quy trình đàm phán phức tạp, lặp đi lặp lại giữa nhiều bên. Bên cạnh đó, việc sử dụng chữ ký điện tử trong hợp đồng thông minh đóng vai trò then chốt trong việc thể hiện sự tự nguyện của các bên tham gia giao kết hợp đồng. Bởi lẽ, khi các bên sử dụng chữ ký điện tử trong hợp đồng thông minh, họ đã thể hiện rõ ràng ý chí tự nguyện tham gia giao kết hợp đồng, đồng thời tạo ra bằng chứng pháp lý về sự chấp thuận của mình đối với các điều khoản đã thỏa thuận. Tuy nhiên, hiện nay khung pháp lý về chữ ký điện tử tại Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế, hiện chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể của cơ quan nhà nước về các loại chữ ký điện tử này, dẫn đến sự lúng túng trong áp dụng. Để thúc đẩy ứng dụng hợp đồng thông minh, cơ quan nhà nước cần sớm ban hành quy định hướng dẫn chi tiết về việc sử dụng chữ ký điện tử đặc biệt trong cả môi trường blockchain. Điều này bao gồm việc công nhận giá trị pháp lý của các hình thức chữ ký điện tử ngoài chữ ký số, xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình xác thực để đảm bảo tính pháp lý. Ngoài ra, để khắc phục tính cứng nhắc vốn có của hợp đồng thông minh, các bên cần lường trước các

sự kiện bất khả kháng và mã hóa thành các trường hợp cụ thể trong hợp đồng nhằm đảm bảo khả năng thích ứng trước những tình huống không lường trước được.

2.3. Nội dung và mục đích của hợp đồng

Trong HĐTM được lập hoàn toàn bằng ngôn ngữ lập trình mà không qua văn bản truyền thống nào, một thách thức nan giải phát sinh là liệu lập trình viên có đảm bảo kiến thức pháp lý để không tạo ra những hợp đồng có rủi ro vi phạm pháp luật? Với mô hình hợp đồng bằng văn bản thông thường chứa các nghĩa vụ được tự động hóa trên blockchain, câu hỏi đặt ra là các điều khoản được thiết lập từ ngôn ngữ thông thường sang ngôn ngữ lập trình có đảm bảo tính chính xác không? Ngoài ra, tính phức tạp và tính tự động thực thi của HĐTM còn gây ra khó khăn cho các cơ quan chức năng trong công tác kiểm tra và dừng các giao dịch vi phạm pháp luật..

Khác với pháp luật, đạo đức xã hội là khái niệm phi lý thuyết không thể mã hóa thành các điều kiện logic. Ngược lại, ngôn ngữ lập trình của HĐTM vận hành dựa trên các lệnh logic “nếu - thì” để thực thi các điều kiện rõ ràng và có thể đo lường. Bản chất cứng nhắc này khiến HĐTM gặp giới hạn khi phải xử lý những khái niệm mang tính trừu tượng, các tiêu chuẩn pháp lý mang tính định tính như “thiện chí công bằng”. Ở một góc nhìn rộng hơn, vấn đề này tạo ra khoảng trống giữa những gì HĐTM làm được và những gì pháp luật yêu cầu. Đi từ yêu cầu hệ thống pháp luật phải toàn diện và đồng bộ, khi xem xét và giải quyết các tranh chấp cũng cần tiếp cận vấn đề một cách tổng thể, xem xét đầy đủ các khía cạnh. Tuy nhiên, HĐTM, với bản chất được lập trình trước,

không thể tự điều chỉnh để phù hợp với các tình huống phức tạp hoặc các vấn đề nằm ngoài mã nguồn ban đầu. Điều này có thể tạo ra những quyết định thiếu công bằng, thiếu sự đồng cảm và đôi khi đi ngược lại với những giá trị nhân văn mà xã hội kỳ vọng từ pháp luật.

Về vấn đề này, nhóm nghiên cứu cho rằng xây dựng mục đích và nội dung thỏa thuận chỉ là định hướng để thực hiện hành vi cụ thể hóa những định hướng đó nên các đặc trưng của HĐTM có khác biệt như thế nào với hợp đồng truyền thống, căn bản không thể dẫn tới việc thực hiện những hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, do hợp đồng thông minh được lập trình dưới dạng mã máy tính và tự động thực thi, việc xác định mục đích thực sự của hợp đồng cũng như nội dung thỏa thuận có thể gặp nhiều khó khăn. Do đó, khi xảy ra tranh chấp, pháp luật cần có cơ chế giải thích hợp đồng. Cụ thể, trong mỗi một phân loại của hợp đồng thông minh cần phải cân nhắc đến ba yếu tố gồm [12]: (i) Ý chí thực sự; (ii) Ngôn từ và (iii) Ngôn ngữ mã hóa. HĐTM hỗn hợp có cả phiên bản ngôn ngữ con người và phiên bản ngôn ngữ mã hóa sẽ chứa cả ba yếu tố trên. Còn HĐTM mã hóa toàn phần vốn chỉ tồn tại ở dạng mã hóa thì bao gồm yếu tố ý chí thực sự và yếu tố ngôn ngữ mã hóa. Đối với loại HĐTM này, việc lập trình và phát triển một chương trình máy tính đòi hỏi lập trình viên phải hiểu và chuyển đổi yêu cầu của con người sang ngôn ngữ mã hóa, một phương pháp thường được áp dụng là tạo ra bộ tài liệu quy trình. Tài liệu này mô tả các bước thực hiện dưới dạng ngôn ngữ con người và sơ đồ mô hình hóa, giúp lập trình viên chuyển đổi thành mã lập trình. [13] Góp

phần giải quyết vấn đề giải thích hợp đồng thông minh, nhà nước cũng có thể phát triển nghiên cứu về mô hình quản trị bằng ngôn ngữ tự nhiên đối với trạng thái và tác dụng của các yếu tố được mã hóa trong hợp đồng thông minh [14]. Các cơ chế này liên kết ngôn ngữ tự nhiên với mã, giúp người soạn thảo đảm bảo thỏa thuận giữa các bên không bị sai lệch mà còn được củng cố.

2.4. Hình thức của hợp đồng

Pháp luật Việt Nam quy định trong một số trường hợp, hợp đồng bắt buộc phải có hình thức văn bản, điển hình với hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế: “Mua bán hàng hóa quốc tế phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương.” [15] Các hình thức này bao gồm điện báo, telex, fax, thông điệp dữ liệu, hoặc các hình thức được pháp luật công nhận [16]. Đặc biệt, Luật Giao dịch điện tử khẳng định giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử không thể bị phủ nhận chỉ vì nó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu. Vậy câu hỏi được đặt ra ở đây là liệu HĐTM có coi là được thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu hay không khi nó mang nhiều điểm khác biệt so với các giao dịch điện tử thông thường??...

Với thực trạng rằng chưa có khẳng định nào về việc: liệu HĐTM có phải là thông điệp dữ liệu phù hợp với quy định của pháp luật để không bị phủ nhận giá trị pháp lý hay không, nhóm đề xuất rằng Việt Nam có thể tham khảo quy định của pháp luật Singapore về “Bản ghi chép điện tử”. Giải pháp này khá phù hợp khi quy định về Bản ghi điện tử khá tương thích với đặc điểm của HĐTM. Bên cạnh đó, Việt Nam nên công nhận minh thị rằng các

thông điệp dữ liệu có thể truy cập và sử dụng được để tham chiếu quy định tại Điều 9.1 Luật Giao dịch điện tử 2023 có thể bao gồm cả các thông điệp dữ liệu được thể hiện bằng ngôn ngữ tự nhiên và các thông điệp được thể hiện bằng ngôn ngữ lập trình. Bởi lẽ, các ngôn ngữ lập trình hoàn toàn có thể được đọc hiểu và giải thích bởi chuyên gia, và vì vậy, hoàn toàn khả thi khi sử dụng các thông điệp dữ liệu này với mục đích tham chiếu.

Giả sử trong trường hợp HĐTM đáp ứng yêu cầu về hình thức theo Luật Giao dịch điện tử 2023, nhưng khi áp dụng vào thực tế, nó vẫn gặp phải những thách thức liên quan đến công chứng và chứng thực, đặc biệt đối với các loại hợp đồng yêu cầu bắt buộc phải được công chứng hoặc chứng thực theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đặc thù của HĐTM là hoạt động dựa trên mã hóa và xác nhận bằng khóa công khai, không sử dụng chữ ký truyền thống hay dấu xác nhận từ cơ quan công chứng. Điều này dẫn đến khoảng trống pháp lý trong việc công nhận giá trị của HĐTM trong các giao dịch cần công chứng. Giải pháp hữu hiệu nhất là cần phải là phát triển hệ thống công chứng điện tử hoặc chứng thực số trên nền tảng blockchain. Theo đó, các cơ quan công chứng có thể tích hợp chữ ký số hoặc mã định danh vào HĐTM để xác nhận giao dịch và lưu trữ thông tin trên hệ thống blockchain, bảo đảm tính minh bạch, không thể sửa đổi và dễ dàng kiểm tra khi cần thiết. Do vậy hành lang pháp lý liên quan đến công chứng điện tử không nên và không thể chỉ dừng lại ở Luật Công chứng (chủ yếu quy định về hình thức và trình tự, thủ tục thực hiện công chứng), mà cần có sự thay đổi cơ bản về giá trị và

cách sử dụng văn bản công chứng điện tử với các thủ tục khác mà văn bản công chứng là một thành phần “đầu vào”. Để thực hiện được điều này, tất yếu là quy định về các thủ tục hành chính và thủ tục (không phải hành chính) của tổ chức có liên quan (tổ chức tín dụng...) cũng cần thay đổi, cho phép nhận và xử lý hồ sơ điện tử.

2.5. Đối tượng của hợp đồng

Đối với các tài sản vật lý (như bất động sản hoặc phương tiện giao thông), việc kết nối giữa tài sản thực tế và mã lập trình trên blockchain gặp nhiều khó khăn. HĐTM không có cơ chế tự động xác minh tính hợp pháp hoặc quyền sở hữu của tài sản, điều này đòi hỏi sự can thiệp của các cơ quan hoặc bên thứ ba có thẩm quyền. Điều này dẫn đến nguy cơ không đảm bảo được tính chính xác và toàn vẹn của đối tượng giao dịch. Đặc biệt, với một số loại giao dịch yêu cầu đối tượng phải có công chứng từ cơ quan có thẩm quyền (như chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thế chấp tài sản), HĐTM vốn chỉ tồn tại dưới dạng mã lập trình trên blockchain nên sẽ không đáp ứng được yêu cầu này.

Bên cạnh đó, Bitcoin và Ethereum - hai loại tài sản ảo chưa được pháp luật Việt Nam công nhận về tính pháp lý, cũng là hai đối tượng chủ yếu của HĐTM. Tính đến thời điểm hiện nay, Việt Nam tuy không cấm nhưng vẫn chưa có quy định cụ thể liên quan đến hoạt động phát hành, mua bán hoặc trao đổi tiền ảo. Tuy nhiên, theo báo cáo của hiệp hội Blockchain Việt Nam, trong năm 2023, Việt Nam đứng thứ 3 trên thế giới về lợi nhuận tiền số, chỉ sau Mỹ và Anh với ước tính khoảng 1,2 tỉ USD trên tổng số 37,6 tỉ USD của toàn cầu [17]. Điều đó thể hiện rằng dù chưa được pháp luật

Việt Nam thừa nhận, những các loại tài sản này vẫn được sử dụng một cách rộng rãi, vận hành thường xuyên. Điều này đã dẫn đến việc nền kinh tế nước nhà bị thất thu thuế, đồng thời vô tình tạo khe hở cho các hành vi vi phạm pháp luật liên quan tới các hoạt động lừa gạt, huy động vốn, lừa đảo khiến người dân bị mất tiền oan. điển hình là trao đổi tiền điện tử giả. Để giải quyết vấn đề này, Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm các quốc gia khác trên thế giới. Cụ thể, Nhật Bản hiện nay đã công nhận tài sản ảo là tài sản hợp pháp và xây dựng khung pháp lý chặt chẽ tại Luật dịch vụ thanh toán PSA. Ngoài ra, để khắc phục tình trạng thất thu thuế trong việc sử dụng loại tài sản này, Mỹ cũng đã có những quy định chặt chẽ về việc tính thuế đối với bitcoin. Cuối cùng, với việc sử dụng tài khoản ẩn danh trong việc sở hữu tài sản điện tử trên nền tảng blockchain, EU cũng đã ban hành quy định MiCa để quản lý các nhà cung cấp dịch vụ tài sản điện tử, yêu cầu cấp giấy phép hoạt động và xác minh danh tính khách hàng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. H. T. A. & Đ. T. H. Nga (2019), “Blockchain và Hợp đồng Thông minh - Xu thế tất yếu của cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0 và những thách thức pháp lý đặt ra,” *Hội thảo quốc tế - Trách nhiệm dân sự và hợp đồng: Kinh nghiệm của Việt Nam và Liên minh Châu Âu*, pp. 315-316.

[2]. N. Szabo, "Formalizing and Securing Relationships on Public Networks," *First Monday*, vol.2, no.9, 1997.

[3]. J. I.-H. Hsiao, "Smart Contract on the blockchain-paradigm shift for contract law," *US-China Law Review*, 2017.

[4]. M. C. a. C. P. Larry A. Dimatteo, "Smart contracts and contract law," *The*

Cambridge handbook of smart contracts, blockchain technology and digital platforms. Cambridge University Press, Cambridge, 2019.

[5]. Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam (2015), *Bộ luật dân sự 2015*, p. Điều 385.

[6]. Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam (2015), *Bộ luật dân sự 2015*, p. điểm a khoản 1 điều 117.

[7]. Y. J. & J. Seo, "User authentication techniques using a dynamic SoulBound Token," *Journal of Web Engineering*, vol. 23, p. 720, 2024.

[8]. J. G.-R. & D. A. L.-S. Roberto A. Pava-Diaz, "Self-sovereign identity on the blockchain: Contextual analysis and quantification of SSI principles implementation," *Frontiers in Blockchain*, vol. 7, pp. 2-4, 2024.

[9]. C. Mazzocca, "A survey on decentralized identifiers and verifiable credentials," *Journal of latex class files*, vol. 14, 2021.

[10]. F. B. & I. A. S. & A. A. B. & M. Quinyne-Collins, "Blockchain is watching you: Profiling and deanonymizing Ethereum users," *arXiv preprint arXiv:2005.14051*, 2020.

[11]. T. K. , C. v. W. & A. K. Eduardo Morais, "A survey on zero knowledge range proofs and applications," *arXiv*

preprint arXiv:1907.06381, 2018.

[12]. Nguyễn Hoàng Thái Hi, Nguyễn Ngọc Hồng Anh, "Kinh nghiệm cho Việt Nam về giải thích hợp đồng thông minh (smart contract) tại tòa án theo pháp luật của một số quốc gia - Vai trò của công nghệ và ngôn ngữ mã hóa," in *Kỷ yếu Hội thảo - Hợp đồng thông minh - Những vấn đề pháp lý liên quan*, Hồ Chí Minh, Khoa Luật Quốc tế , Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2023.

[13]. G. Sarah, "Smart Contracts, Interpretation and Rectification," *Lloyd's Maritime and Commercial Law Quarterly*, 2018.

[14]. Blycha, N., Garside, A., "Smart Legal Contracts: A Model for the Integration of Machine Capabilities into Contracts. Computer Law & Security Review," 2021.

[15]. Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam (2005), *Luật Thương mại 2005*, p. khoản 2 điều 7.

[16]. Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam (2023), *Luật Giao dịch điện tử 2023*, p. Điều 7.

[17]. H. V. Minh, "Khung pháp lý để quản lý tiền Bitcoin là yêu cầu cấp thiết," *Báo Lao động*, 2024.

THÔNG TIN TÁC GIẢ:

Nguyễn Phương Uyên*, Thái Trần Văn Huế,
Nguyễn Thị Diệu Hiền, Nguyễn Khánh Linh
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
*Email: 11226816@st.neu.edu.vn
Điện thoại: 0839956636



BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Địa chỉ:

- **Số 1:** Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- **Số 2:** Số 72, đường Nguyễn Thái Học, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- **Điện thoại:** (0220) 3882 269 **Fax:** (0220) 3882 921 **Website:** <http://saodo.edu.vn> **Email:** info@saodo.edu.vn

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X

Số 2 (90)

2025

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>/Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.